

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

----- 803 + 803 -----

**BÁO CÁO QUYẾT TOÁN
TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP
QUÝ 3 NĂM 2011**

Nơi nhân: LƯU

THÁNG 10 / 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám - Nha Trang - Khánh Hòa

Mẫu số B01 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2011

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2011	01/01/2011
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		111.080.385.985	112.144.090.413
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.238.112.778	2.806.240.274
1. Tiền	111	V.01	439.757.222	2.806.240.274
2. Các khoản tương đương tiền	112		798.355.556	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		89.268.034.630	106.083.094.526
1. Phải thu khách hàng	131		94.222.882.122	111.846.915.672
2. Trả trước cho người bán	132		3.494.934.956	2.773.783.192
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	468.786.035	904.742.908
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(8.918.568.483)	(9.442.347.246)
IV. Hàng tồn kho	140		13.156.496.451	2.108.163.868
1. Hàng tồn kho	141	V.04	13.156.496.451	2.108.163.868
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.417.742.126	1.146.591.745
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	7.993.260
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		7.417.742.126	1.138.598.485

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám - Nha Trang - Khánh Hòa

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Mẫu số B01 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2011	01/01/2011
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		99.787.345.199	99.127.778.265
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.387.325.818	4.048.969.157
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		2.387.325.818	4.048.969.157
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07	-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		26.503.153.582	23.980.853.244
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	6.862.963.625	6.780.704.136
<i>Nguyên giá</i>	222		28.461.252.789	27.107.882.043
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(21.598.289.164)	(20.327.177.907)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	16.784.274.984	17.200.149.108
<i>Nguyên giá</i>	228		18.646.940.446	18.646.940.446
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.862.665.462)	(1.446.791.338)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	2.855.914.973	-
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		70.016.430.000	70.016.430.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		66.616.430.000	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	3.400.000.000	70.016.430.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		880.435.799	1.081.525.864
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	790.435.799	1.001.525.864
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.15	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		90.000.000	80.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		210.867.731.184	211.271.868.678

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám - Nha Trang - Khánh Hòa
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Mẫu số B01 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	30/09/2011	01/01/2011
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		126.981.813.883	139.498.139.685
I. Nợ ngắn hạn		310		119.448.599.230	131.901.591.032
1. Vay và nợ ngắn hạn		311	V.12	56.000.000.000	53.000.000.000
2. Phải trả người bán		312	V.13	6.919.787.480	6.717.257.409
3. Người mua trả tiền trước		313	V.14	21.726.194.868	35.861.475.698
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		314	V.15	5.673.759.879	5.184.549.568
5. Phải trả người lao động		315	V.16	12.637.935.314	20.536.430.859
6. Chi phí phải trả		316	V.17	7.010.981.000	210.200.000
7. Phải trả nội bộ		317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	V.18	3.846.371.955	6.341.215.008
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		323		5.633.568.734	4.050.462.490
II. Nợ dài hạn		330		7.533.214.653	7.596.548.653
1. Phải trả dài hạn người bán		331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ		332	V.19	-	-
3. Phải trả dài hạn khác		333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn		334	V.20	7.000.000.000	7.000.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		335	V.21	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		336		533.214.653	596.548.653
7. Dự phòng phải trả dài hạn		337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện		338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		83.885.917.301	71.773.728.993
I. Vốn chủ sở hữu		410	V.22	83.885.917.301	71.773.728.993
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411		50.987.770.000	42.580.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu		413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ		414		(687.140.060)	(613.160.060)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		417		14.510.597.249	8.348.357.892
8. Quỹ dự phòng tài chính		418		4.631.865.934	2.825.014.566
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		419		926.373.186	565.002.912
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		420		13.516.450.992	18.068.513.683
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		-	-
1. Nguồn kinh phí		432	V.23	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		210.867.731.184	211.271.868.678

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám - Nha Trang - Khánh Hòa

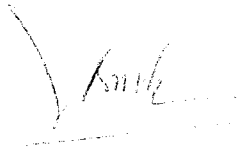
Mẫu số B01 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

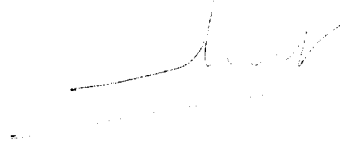
CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/09/2011	01/01/2011
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:		122,32	2.346,87
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu

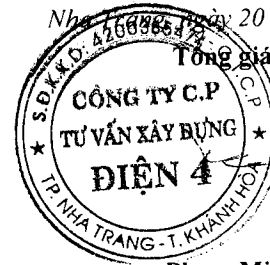


Trần Lê Thanh Bình

Kế toán trưởng



Vũ Thành Danh



Ngày 20 tháng 10 năm 2011

Tổng giám đốc

Phạm Minh Sơn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 3 năm 2011

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm 2011	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	29.882.331.518	37.902.867.851	99.406.152.345	95.043.207.568
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		29.882.331.518	37.902.867.851	99.406.152.345	95.043.207.568
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	15.742.229.985	25.735.365.305	58.187.605.143	64.989.544.424
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		14.140.101.533	12.167.502.546	41.218.547.202	30.053.663.144
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	106.037.206	114.952.149	766.395.003	1.362.135.221
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	2.448.872.222	56.188.888	7.154.120.935	689.459.722
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.448.872.222	56.188.888	7.150.297.222	689.459.722
8. Chi phí bán hàng	24		16.016.000	16.999.999	56.379.636	72.181.819
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.279.544.431	6.711.416.430	14.934.806.154	14.078.115.079
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.501.706.086	5.497.849.378	19.839.635.480	16.576.041.745
11. Thu nhập khác	31		1.500.000	1.015.500	171.419.546	2.486.500
12. Chi phí khác	32		-	-	-	-
13. Lợi nhuận khác	40		1.500.000	1.015.500	171.419.546	2.486.500
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.503.206.086	5.498.864.878	20.011.055.026	16.578.528.245
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.30	2.130.940.410	1.374.716.219	6.494.604.034	4.144.632.061
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.30	-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.372.265.676	4.124.148.659	13.516.450.992	12.433.896.184
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		867	998	2.680	3.042

Người lập biểu

Trần Lê Thanh Bình

Trần Lê Thanh Bình

Kế toán trưởng

Vũ Thành Danh

Vũ Thành Danh



ngày 20 tháng 10 năm 2011

Ông giám đốc

Phạm Minh Sơn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 3 năm 2011

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	9 tháng đầu năm 2011	9 tháng đầu năm 2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		20.011.055.026	16.578.528.245
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10, 11	1.686.985.381	2.153.423.981
- Các khoản dự phòng	03		(523.778.763)	(1.795.486.635)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05			
- Chi phí lãi vay	06	VI.3	7.150.297.222	689.459.722
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		28.324.558.866	17.625.925.313
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		14.998.832.112	3.532.163.002
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.7	(11.048.332.583)	(4.380.693.707)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(19.630.216.838)	(17.573.443.513)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	V.13	219.083.325	132.137.214
- Tiền lãi vay đã trả	13		(81.836.111)	(126.459.722)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.17	(4.334.565.391)	(1.935.946.823)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	V.22	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(10.998.321.533)	(16.019.033.781)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.550.798.153)	(18.745.352.017)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2.698.199.172)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		65.616.430.000	(3.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.000.000.000	2.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(66.616.430.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26			-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		754.849.829	776.202.835
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.943.349.343)	(223.797.165)

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

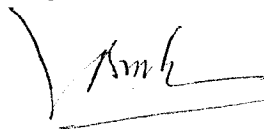
Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám - Nha Trang - Khánh Hòa

Mẫu số B03 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

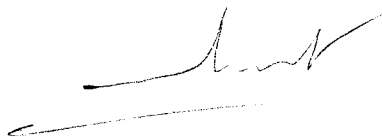
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	9 tháng đầu năm	9 tháng đầu năm
			2011	2010
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(73.980.000)	(32.880.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.14	17.450.000.000	26.500.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.14	(14.450.000.000)	(26.500.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			(8.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		2.926.020.000	(32.888.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(1.568.127.496)	(19.002.037.182)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	2.806.240.274	20.554.939.053
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	1.238.112.778	1.552.901.871

Người lập biểu



Trần Lê Thanh Bình

Kế toán trưởng



Vũ Thành Danh



Phạm Minh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP.Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn:** Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh:** Dịch vụ tư vấn
3. **Ngành nghề kinh doanh:** Tư vấn, khảo sát, thiết kế điện
4. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:**

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam .

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.
2. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ. Công việc ghi sổ kế toán được thực hiện trên phần mềm trên máy vi tính.
3. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được trình bày trên cơ sở kế toán dồn tích.
2. **Tiền và tương đương tiền**
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.
3. **Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác, dự phòng công nợ phải thu khó đòi**
Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP.Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyên giao bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

	<u>Số năm tính khấu hao</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
- Máy móc thiết bị	03 – 06
- Phương tiện vận chuyển	06
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06

6. Tài sản cố định vô hình

Giá trị quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao trong thời gian sử dụng. Quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao.

Quyền sử dụng đất lâu dài nhận bàn giao từ Công ty Nhà Nước được xác định theo Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm ngày 31/12/2005.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong thời gian từ 3 năm đến 5 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP.Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

Giá trị lợi thế doanh nghiệp: Giá trị lợi thế DN được xác định theo Biên bản xác định giá trị DN để cổ phần hoá tại thời điểm ngày 31/12/2005. Giá trị lợi thế DN được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

10. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

12. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính và được hạch toán vào chi phí trong năm. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

13. Nguồn vốn chủ sở hữu

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số vốn của cổ đông đã đầu tư.
- Vốn khác của chủ sở hữu: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP.Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

15. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

17. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Lãi từ các khoản đầu tư khác được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi (nếu có và lãi từ các khoản đầu tư được đánh giá là trọng yếu).

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP.Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	366.634.021	75.170.000
Tiền gửi ngân hàng	73.123.201	2.731.070.274
Các khoản tương đương tiền	798.355.556	-
Cộng	<u>1.238.112.778</u>	<u>2.806.240.274</u>

2. Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các đơn vị trong EVN và NPT	37.050.229.847	35.592.542.324
Các đơn vị ngoài EVN và NPT	57.172.652.275	76.254.373.348
Cộng	<u>94.222.882.122</u>	<u>111.846.915.672</u>

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Năng lượng	400.000.000	400.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Lê Nguyên	397.101.100	397.101.100
Công ty cổ phần Vật liệu CAVICO Hạ tầng	344.673.082	344.673.082
Các khách hàng khác	2.353.160.774	1.632.009.010
Cộng	<u>3.494.934.956</u>	<u>2.773.783.192</u>

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập cá nhân của CBCNV	-	295.779.800
Các khoản phải thu khác	468.786.035	608.963.108
Cộng	<u>468.786.035</u>	<u>904.742.908</u>

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Chi tiết các khoản dự phòng như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản nợ quá hạn trên từ 1 năm đến 2 năm	-	797.229.819
Các khoản nợ quá hạn từ 2 đến 3 năm	4.201.897.142	3.637.525.586
Các khoản nợ quá hạn trên 3 năm	4.716.671.341	5.007.591.841
Cộng	<u>8.918.568.483</u>	<u>9.442.347.246</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP.Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	812.931.295	538.123.834
Công cụ, dụng cụ tồn kho	13.299.249	34.652.849
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	12.330.265.907	1.535.387.185
Cộng	<u>13.156.496.451</u>	<u>2.108.163.868</u>

7. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng cho người lao động	7.417.742.126	1.138.598.485
Cộng	<u>7.417.742.126</u>	<u>1.138.598.485</u>

8. Phải thu dài hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ban quản lý dự án Thủy Điện 1	184.144.863	1.845.788.202
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Nho Quế	1.532.762.821	1.532.762.821
Công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn	506.106.834	506.106.834
Các khách hàng khác	164.311.300	164.311.300
Cộng	<u>2.387.325.818</u>	<u>4.048.969.157</u>

9. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà xưởng, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc, thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị quản lý</u>	<u>Tổng cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	6.333.791.294	8.571.981.178	9.904.610.309	2.297.499.262	27.107.882.043
Đầu tư mới	77.441.818	204.241.273	811.750.910	259.936.745	1.353.370.746
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>6.411.233.112</u>	<u>8.776.222.451</u>	<u>10.716.361.219</u>	<u>2.557.436.007</u>	<u>28.461.252.789</u>
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	1.820.590.208	7.871.014.764	9.165.116.058	1.470.456.877	20.327.177.907
Trích khấu hao	305.123.929	272.741.128	427.260.449	265.985.751	1.271.111.257
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>2.125.714.137</u>	<u>8.143.755.892</u>	<u>9.592.376.507</u>	<u>1.736.442.628</u>	<u>21.598.289.164</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	4.513.201.086	700.966.414	739.494.251	827.042.385	6.780.704.136
Số cuối kỳ	<u>4.285.518.975</u>	<u>632.466.559</u>	<u>1.123.984.712</u>	<u>820.993.379</u>	<u>6.862.963.625</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP.Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất không thời hạn	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Số đầu năm	6.970.774.045	9.586.688.955	2.089.477.446	18.646.940.446
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	6.970.774.045	9.586.688.955	2.089.477.446	18.646.940.446
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	479.396.505	967.394.833	1.446.791.338
Khấu hao trong kỳ	-	149.628.600	266.245.524	415.874.124
Số cuối kỳ	-	629.025.105	1.233.640.357	1.862.665.462
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	6.970.774.045	9.107.292.450	1.122.082.613	17.200.149.108
Số cuối kỳ	6.970.774.045	8.957.663.850	855.837.089	16.784.274.984

11. Đầu tư vào Công ty liên kết

Tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐTV ngày 20/01/2011, Hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi để góp vốn đầu tư dự án Thủy điện Srêpok 4A, tổng giá trị trái phiếu phát hành là 51 tỷ đồng và tăng tỷ lệ góp vốn vào Công ty cổ phần Thủy điện Buôn Đôn lên 31% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Thủy điện Buôn Đôn (tương ứng với 103.85 tỷ đồng).

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu				
- Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	6.661.643	66.616.430.000	6.661.643	66.616.430.000
Cộng		66.616.430.000		66.616.430.000

12. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Bất Động Sản EVN Land Nha Trang	1.500.000.000	1.500.000.000
Góp vốn vào Công ty cổ phần EVN Quốc tế	900.000.000	900.000.000
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	3.400.000.000	3.400.000.000

13. Chi phí trả trước dài hạn

Là chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ các kỳ sau. Phát sinh trong kỳ như sau:

	9 tháng đầu năm 2011
Số đầu kỳ	1.001.525.864
Phát sinh tăng	720.486.364

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP.Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

		9 tháng đầu năm 2011		
Phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh		(931.576.429)		
Số cuối kỳ		790.435.799		
14. Vay và nợ ngắn hạn				
		<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>	
Vay Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	
Vay dài hạn đến hạn trả	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	
Vay ngắn hạn NH Đầu tư và Phát triển Khánh Hòa	3.000.000.000	-	-	
Cộng	56.000.000.000	53.000.000.000	53.000.000.000	
15. Phải trả cho người bán				
		<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>	
Viện Năng lượng	1.180.263.289	1.180.263.289	1.380.263.289	
Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1	983.545.000	983.545.000	983.545.000	
Xí nghiệp đo đạc bản đồ Nông nghiệp 1	733.998.010	733.998.010	733.998.010	
Tổng công ty tư vấn xây dựng thủy lợi VN	406.352.630	406.352.630	406.352.630	
Cty TNHH 1 thành viên khảo sát xây dựng 2	402.995.874	402.995.874	402.995.874	
Cty TNHH MTV tư vấn xây dựng điện 3 ĐN	388.967.191	394.091.191	394.091.191	
Các nhà cung cấp khác	2.823.665.486	2.416.011.415	2.416.011.415	
Cộng	6.919.787.480	6.717.257.409	6.717.257.409	
16. Người mua trả tiền trước				
		<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>	
Các đơn vị trong EVN và NPT	15.848.419.704	15.848.419.704	29.122.223.887	
Các đơn vị ngoài EVN và NPT	5.877.775.164	5.877.775.164	6.739.251.811	
Cộng	21.726.194.868	21.726.194.868	35.861.475.698	
17. Thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước				
Tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp Nhà nước trong năm như sau:				
	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.304.496.723	7.094.449.180	(8.277.412.561)	1.121.533.342
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.322.837.894	6.494.604.034	(4.334.565.391)	4.482.876.537
Thuế thu nhập cá nhân	498.779.075	1.881.787.375	(2.311.216.450)	69.350.000
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	-	8.675.600	(8.675.600)	-
Các loại thuế khác	58.435.876	64.511.448	(122.947.324)	-
Cộng	5.184.549.568	15.544.027.637	(15.054.817.326)	5.673.759.879

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP.Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.16.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được trình bày tại thuyết minh số V.6

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

18. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thừa chờ xử lý	-	214.964.407
Kinh phí công đoàn	1.816.440.718	1.376.550.678
Bảo hiểm xã hội	-	380.750.077
Phải trả EVN về cổ phần hóa	-	1.187.287.429
Phải trả EVN về tiền lãi vay dài hạn	789.233.333	1.185.630.556
Phải trả EVN cổ tức năm trước	-	848.531.000
Tiền góp vốn vào Cty CP TD Buôn Đôn từ các cổ đông khác	210.010.000	288.550.000
Phải trả EVN FC tiền lãi vay	62.916.667	-
Các khoản khác	967.771.237	858.950.861
Cộng	<u>3.846.371.955</u>	<u>6.341.215.008</u>

19. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay dài hạn Tập đoàn Điện Lực Việt Nam (EVN) để bổ sung vốn lưu động; thời hạn vay 6 năm; lãi suất tính bằng tiền gửi kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau bình quân tham chiếu của 4 ngân hàng Thương Mại Quốc doanh cộng thêm 1,2%. Khoản vay 10 tỷ này không có phát sinh trong 6 tháng đầu năm 2011.

20. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

	<u>9 tháng đầu năm 2011</u>
Số đầu kỳ	596.548.653
Trích quỹ dự phòng trong kỳ	-
Chi trợ cấp thôi việc cho công nhân viên	(63.334.000)
Số cuối kỳ	<u>533.214.653</u>

21. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cổ phiếu quỹ
Số đầu năm trước	34.295.500.000	4.416.700.630	1.473.732.004	294.746.400	13.512.825.617	(504.830.060)
Tăng trong kỳ	8.284.500.000	3.931.657.262	1.351.282.562	780.256.512	12.433.896.184	(32.880.000)
Giảm trong kỳ	-	-	-	(510.000.000)	(13.512.825.617)	-
Số dư cuối kỳ này năm trước	<u>42.580.000.000</u>	<u>8.348.357.892</u>	<u>2.825.014.566</u>	<u>565.002.912</u>	<u>12.433.896.184</u>	<u>(537.710.060)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP.Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cổ phiếu quỹ
Số dư đầu năm nay	42.580.000.000	8.348.357.892	2.825.014.566	565.002.912	18.068.513.683	(613.160.060)
Tăng trong kỳ	8.407.770.000	6.162.239.357	1.806.851.368	361.370.274	13.516.450.992	(73.980.000)
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	(18.068.513.683)	-
Số dư cuối kỳ này năm nay	<u>50.987.770.000</u>	<u>14.510.597.249</u>	<u>4.631.865.934</u>	<u>926.373.186</u>	<u>13.516.450.992</u>	<u>(687.140.060)</u>

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ đông	Số tiền góp vốn tại ngày 30/09/2011	Tỷ lệ %
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	26.066.880.000	51,12
Các cổ đông khác	24.920.890.000	48,98
Cộng	50.987.770.000	100,00

Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 là 50.987.700.000 VND, được chia thành 5.098.777 cổ phần phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

Quỹ khác của chủ sở hữu được dùng để chi thưởng cho Ban điều hành Công ty theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty.

22. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

	9 tháng đầu năm 2011
Số đầu năm	4.050.462.490
Trích quỹ từ lợi nhuận	2.011.356.244
Thu từ các khoản khác	7.000.000
Chi theo quy định	(435.250.000)
Số cuối kỳ	<u>5.633.568.734</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần cung cấp hàng hóa và dịch vụ

	9 tháng 2011	9 tháng 2010
Doanh thu hoạt động khảo sát	42.102.475.004	21.819.075.233

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP.Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>9 tháng 2011</u>	<u>9 tháng 2010</u>
Doanh thu hoạt động thiết kế	57.303.677.341	73.224.132.335
Cộng	<u>99.406.152.345</u>	<u>95.043.207.568</u>
2. Giá vốn hàng bán		
	<u>9 tháng 2011</u>	<u>9 tháng 2010</u>
Giá vốn hoạt động khảo sát	25.212.238.682	15.740.663.453
Giá vốn hoạt động thiết kế	32.975.366.461	49.248.880.971
Cộng	<u>58.187.605.143</u>	<u>64.989.544.424</u>
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>9 tháng 2011</u>	<u>9 tháng 2010</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	754.849.829	776.202.835
Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ	11.545.174	585.932.386
Cộng	<u>766.395.003</u>	<u>1.362.135.221</u>
4. Chi phí tài chính		
	<u>9 tháng 2011</u>	<u>9 tháng 2010</u>
Chi phí lãi vay	7.150.297.222	689.459.722
Chi phí chênh lệch tỷ giá	3.823.713	-
Cộng	<u>7.154.120.935</u>	<u>689.459.722</u>
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>9 tháng 2011</u>	<u>9 tháng 2010</u>
Chi phí cho nhân viên	7.631.371.143	9.791.403.529
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	461.774.037	217.597.588
Chi phí khấu hao tài sản cố định	101.290.658	212.782.111
Chi phí dịch vụ mua ngoài	416.162.681	617.307.196
Chi phí khác	6.324.207.635	3.239.024.655
Cộng	<u>14.934.806.154</u>	<u>14.078.115.079</u>
6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
	<u>9 tháng 2011</u>	<u>9 tháng 2010</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	20.011.055.026	16.578.528.245
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	5.967.361.111	-
Tổng thu nhập chịu thuế	25.978.416.138	16.578.528.245
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	6.494.604.034	4.144.632.061
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm trước	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>6.494.604.034</u>	<u>4.144.632.061</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

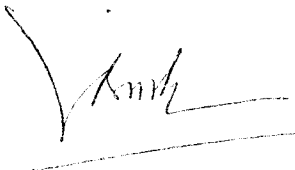
Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP.Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>9 tháng 2011</u>	<u>9 tháng 2010</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.516.450.992	12.433.896.184
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	13.516.450.992	12.433.896.184
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.043.953	4.087.475
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>2.680</u>	<u>3.042</u>

Nha Trang, ngày 20 tháng 10 năm 2011

Người lập biểu


Trần Lê Thanh Bình

Kế toán trưởng


Vũ Thành Danh

 Tổng Giám đốc


 Phạm Minh Sơn